

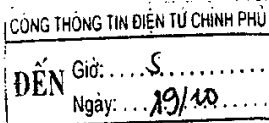
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **26** /2015/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **15** tháng **10** năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định quản lý
tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; số 142/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; số 120/2008/NĐ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2008 về quản lý lưu vực sông;

Căn cứ các Văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất; Thông tư 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Quyết định số 15/2008/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 ban hành quy định Bảo vệ tài nguyên nước dưới đất; Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 9 năm 2007 quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

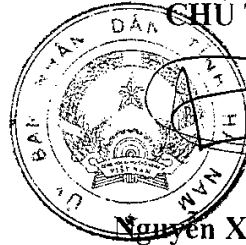
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 29/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (để b/c);
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Đài PTTH tỉnh: Báo Hà Nam, Cổng TTĐT tỉnh;
- VPUB: LĐVP, KTTH, NC, XD, GT, VX, TN, NN;
- Lưu: VT, NN_(HA).

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **26** /2015/QĐ-UBND ngày **15** /10 /2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định các hoạt động về quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (gọi là *hoạt động tài nguyên nước*) trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Những nội dung không quy định tại văn bản này được thực hiện theo Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Quy định về nước khoáng, nước nóng thiên nhiên thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành (sau đây gọi là *cơ quan nhà nước*), Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi là *Ủy ban nhân dân cấp huyện*) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là *Ủy ban nhân dân cấp xã*) trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là *tổ chức, cá nhân*) có hoạt động liên quan đến thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Đổ chất thải, rác thải, đổ hoặc làm rò rỉ các chất độc hại vào nguồn nước và các hành vi khác gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

2. Xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào nguồn nước.

3. Xả khí thải độc hại trực tiếp vào nguồn nước; xả nước thải vào lòng đất thông qua các giếng khoan, giếng đào và các hình thức khác nhằm đưa nước thải vào trong lòng đất; gian lận trong việc xả nước thải.

4. Đặt vật cản, chướng ngại vật, xây dựng công trình kiến trúc, trồng cây trái phép gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước ở các sông, suối, hồ, kênh, mương.

5. Khai thác trái phép cát, sỏi lòng sông, suối, kênh, hồ chứa; khai thác khoáng sản, khoan, đào, xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc, công trình và các hoạt động khác

trong hành lang bảo vệ nguồn nước gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, mương, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh, mương, hồ chứa.

6. Phá hoại công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

7. Cản trở hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước, quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

8. Thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trái phép.

9. Xây dựng hồ chứa, đập, công trình khai thác nước trái quy hoạch tài nguyên nước.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Phổ biến, giáo dục về tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ban, ngành khác có liên quan của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng (*Báo Hà Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh*), các cơ sở giáo dục đào tạo tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước, hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; giám sát việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Điều 5. Điều tra, đánh giá, kiểm kê tài nguyên nước; điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

1. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước: Căn cứ quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp;

Trong trường hợp chưa có quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ tình hình thực tế về thông tin, dữ liệu tài nguyên nước để xây dựng các nội dung trong kế hoạch điều tra cơ bản phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Kiểm kê tài nguyên nước:

a) Việc kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện định kỳ năm (05) năm một lần, phù hợp với kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả kiểm kê của các lưu vực sông nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

3. Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước:

a) Các Sở: Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng; Giao thông Vận tải; Văn hóa Thể thao và Du lịch và các Sở, ban ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện điều tra, lập báo cáo tình hình sử dụng nước của ngành, lĩnh vực gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam; tổng hợp kết quả điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên các lưu vực sông nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

Điều 6. Lập, điều chỉnh, phê duyệt, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường và công bố, tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công bố quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh.

3. Căn cứ quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh đã được phê duyệt, các ngành chức năng, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm:

a) Lập, điều chỉnh và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh đã được phê duyệt;

b) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh đối với phần nội dung thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn.

Điều 7. Xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổ chức thu thập, tổng hợp tài liệu liên quan đến tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; điều tra bổ sung thông tin, dữ liệu tài nguyên nước, cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh;

b) Quản lý, lưu trữ thông tin, cập nhật dữ liệu về tài nguyên nước (bao gồm cả cập nhật dữ liệu và phát triển, cập nhật hệ thống phần mềm), khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; tiếp nhận, xử lý dữ liệu về tài nguyên nước từ các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, tích hợp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; cung cấp dữ liệu về tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý và khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

2. Các Sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý dữ liệu tài nguyên nước và cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong nông nghiệp, lâm nghiệp, công trình thủy lợi, dự án có liên quan đến khai thác sử dụng tài nguyên nước, dữ liệu nước sạch nông thôn;

b) Sở Xây dựng cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về quy hoạch, hiện trạng nguồn cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải trong khu vực đô thị, số liệu về các đơn vị thu nhận, xử lý nước thải của đô thị, cụm công nghiệp.

c) Sở Y tế cung cấp số liệu kết quả kiểm tra định kỳ chất lượng nguồn nước khai thác cho mục đích sinh hoạt, đặc biệt đối với các đơn vị kinh doanh nước sạch; chất lượng nước thải tại các bệnh viện, cơ sở y tế;

d) Sở Công Thương cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong các khu, cụm công nghiệp, làng nghề;

đ) Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp số liệu, dữ liệu, kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước;

e) Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về quy hoạch nguồn cấp nước sinh hoạt, sản xuất, xử lý nước thải của khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý, dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định; cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

Điều 8. Ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt, bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; quan trắc, giám sát tài nguyên nước.

Khi có sự cố ô nhiễm nguồn nước xảy ra trên địa bàn, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động:

1. Xác định rõ nguyên nhân, tổ chức, cá nhân gây ra sự cố; phối hợp giảm thiểu tác hại do sự cố gây ra; giám sát, đánh giá mức độ suy giảm chất lượng nước, thiệt hại do sự cố gây ra để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm và yêu cầu đối tượng gây ra sự cố bồi thường thiệt hại và biện pháp khắc phục hậu quả;

2. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành các biện pháp ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm, xử lý, giảm thiểu ô nhiễm thuộc phạm vi quản lý, phối hợp với các tỉnh có liên quan trong quá trình ngăn chặn, xử lý sự cố và báo cáo kịp thời với Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Xây dựng kế hoạch phục hồi nguồn nước nội tỉnh bị ô nhiễm, cạn kiệt và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt.

4. Tổ chức xây dựng, quản lý và thực hiện quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nguồn nước, hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các nguồn nước nội tỉnh.

Điều 9. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước

1. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở: Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh và tổ chức công bố, thực hiện.

2. Tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước.

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ kiểm tra, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, đặc biệt đối với các vùng có nguy cơ bị ô nhiễm nguồn nước, các đơn vị kinh doanh nước sạch.

3. Bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Đài khí tượng thủy văn tỉnh Hà Nam thường xuyên cập nhật số liệu về khí tượng, thủy văn các vùng trên địa bàn tỉnh; tình hình khai thác, sử dụng nguồn nước và xả nước thải vào nguồn nước. Cung cấp kịp thời số liệu về tài nguyên nước cho các ngành, các cấp thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh;

c) Sở xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Điều phối, giám sát trên lưu vực các sông chảy qua địa bàn tỉnh

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều phối, giám sát trên lưu vực sông, suối chảy qua địa bàn tỉnh.

Điều 11. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Thăm dò, khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô từ trên $10\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đến dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

2. Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ trên $0,1\text{m}^3/\text{giây}$ đến dưới $2\text{m}^3/\text{giây}$.

3. Khai thác nước mặt cho các mục đích kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp từ trên $100\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đến dưới $50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

4. Xả nước thải với lưu lượng từ trên $10.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đến dưới $30.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản.

5. Xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô từ trên $5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đến dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

6. Xả nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô dưới $5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:

- a) Dệt nhuộm; may mặc có công đoạn nhuộm, in hoa; giặt là có công đoạn giặt tẩy;
- b) Luyện kim, tái chế kim loại, mạ kim loại; sản xuất linh kiện điện tử;
- c) Xử lý, tái chế chất thải công nghiệp; thuộc da, tái chế da;
- d) Chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất; lọc hóa dầu, chế biến sản phẩm dầu mỏ;
- đ) Sản xuất giấy và bột giấy; nhựa, cao su, chất tẩy rửa, phụ gia, phân bón, hóa chất, dược phẩm, đông dược, hóa mỹ phẩm, thuốc bảo vệ thực vật; pin, ắc quy; mây tre đan, chế biến gỗ có ngâm tẩm hóa chất; chế biến tinh bột sắn, bột ngọt;
- e) Khám chữa bệnh có phát sinh nước thải y tế;
- f) Thực hiện thí nghiệm có sử dụng hóa chất, chất phóng xạ.

7. Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

a) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 250 milimét và thuộc công trình có lưu lượng từ $200\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đến dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$;

b) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 110 milimét và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn $200\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

Điều 12. Quản lý xả nước thải vào nguồn nước

1. Tất cả các nguồn nước thải trước khi xả vào nguồn nước đều phải được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến xả nước thải vào nguồn nước đều phải lập hồ sơ cấp giấy phép, trừ các trường hợp sau:

- a) Xả nước thải sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình;
- b) Xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 5 m³/ngày đêm và không chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ;
- c) Xả nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung mà hệ thống đó đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và có thỏa thuận hoặc hợp đồng xử lý, tiêu thoát nước thải với tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đó;
- d) Xả nước thải nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá 10.000 m³/ngày đêm hoặc nuôi trồng thủy sản trên sông, suối, hồ chứa.

3. Việc cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước phải căn cứ vào tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải; chức năng nguồn nước; khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước; vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, hành lang bảo vệ nguồn nước và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hoạt động xả nước thải đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Khu vực chứa nước thải phải được chống thấm, chống tràn bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước.

5. Quy hoạch đô thị, khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải phù hợp với quy mô xả nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận trước khi trình phê duyệt.

6. Dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có hạng mục đầu tư xây dựng hệ thống thu gom tách riêng nước mưa, nước thải; hệ thống xử lý nước thải; hệ thống tiêu, thoát, dẫn nước thải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất phải bảo quản, sử dụng hóa chất đúng quy trình kỹ thuật, có biện pháp đảm bảo an toàn nhằm ngăn chặn rò rỉ, thâm nhập hóa chất vào nguồn nước.

Điều 13. Quản lý khai thác, sử dụng nước dưới đất

1. Trước khi xây dựng công trình khai thác nước dưới đất, chủ dự án phải thực hiện thăm dò nước dưới đất để đánh giá trữ lượng, chất lượng, khả năng khai thác và phải có giấy phép thăm dò nước dưới đất, trừ các trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất không phải xin phép. Các trường hợp đã có công trình khai thác nước dưới đất, thực hiện việc lập hồ sơ cấp phép theo quy định của pháp luật.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức khoanh định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục phải đăng ký khai thác nước dưới đất sau khi có ý kiến của Cục quản lý tài nguyên nước, công bố vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức việc đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn theo quy định.

3. Việc xây dựng các công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất cần phải được thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất. Kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất nhất thiết phải dự báo, đánh giá được chỉ số hạ thấp mực nước suốt quá trình khai thác.

4. Việc điều tra, đánh giá và lập đề án thăm dò nước dưới đất, thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất, báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất, báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép, báo cáo kết quả thăm dò nước dưới đất và báo cáo thi công giếng khai thác nước dưới đất phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước.

5. Việc khai thác, sử dụng nước dưới đất phải theo quy định của giấy phép, không làm suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; không gây sụt lún mặt đất và các công trình xây dựng lân cận trên mặt đất; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa, khắc phục sự cố trong quá trình điều tra, đánh giá, khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Điều 14. Quản lý khai thác, sử dụng nước mặt

1. Tất cả các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt phải lập hồ sơ cấp giấy phép theo quy định, trừ các trường hợp không phải đăng ký và không phải xin phép.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước mặt tiết kiệm, an toàn, hiệu quả và bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định.

Điều 15. Thời gian giải quyết các thủ tục cấp phép hoạt động tài nguyên nước

1. Thời gian xem xét, quyết định cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất mười lăm (15) ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Thời gian xem xét, quyết định gia hạn giấy phép, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất mười (10) ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3. Thời gian xem xét, quyết định cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất năm (5) ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

4. Thời gian xem xét, quyết định cấp phép thăm dò nước dưới đất mười lăm (15) ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Thời gian xem xét, quyết định gia hạn giấy phép, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất mười lăm (15) ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

6. Thời gian xem xét, quyết định cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất mười lăm (15) ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

7. Thời gian xem xét, quyết định gia hạn giấy phép, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất mười lăm (15) ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

8. Thời gian xem xét, quyết định cấp phép khai thác nước mặt hai mươi (20) ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

9. Thời gian xem xét, quyết định gia hạn giấy phép, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước mặt mười lăm (15) ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

10. Thời gian xem xét, quyết định cấp phép xả nước thải vào nguồn nước hai mươi (20) ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

11. Thời gian xem xét, quyết định gia hạn giấy phép, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước mười lăm (15) ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

12. Thời gian xem xét, quyết định cấp lại giấy phép tài nguyên nước bảy (7) ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 16. Tài chính về tài nguyên nước

1. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân khi được cấp giấy phép hoạt động tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất phải nộp tiền phí, lệ phí cấp phép theo quy định.

3. Mức thu phí, lệ phí, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên nước được áp dụng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 17. Công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực tài nguyên nước

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 18. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo định kỳ:

a) Định kỳ vào ngày 30 tháng 11 hàng năm; các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động tài nguyên nước tổng hợp số liệu; các vướng mắc, kiến nghị báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp tình hình hoạt động về tài nguyên nước trên địa bàn, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 05 tháng 12 hàng năm theo quy định tại khoản 2, Điều 71 Luật tài nguyên nước năm 2012;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp tình hình hoạt động về tài nguyên nước, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 10 tháng 12 hàng năm;

d) Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp tình hình hoạt động về tài nguyên nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

2. Báo cáo đột xuất:

Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo cơ quan cấp trên về:

a) Vụ việc, vướng mắc, phát sinh cần ý kiến chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền;

b) Theo yêu cầu của cơ quan cấp trên, Sở, ngành liên quan, của đoàn thanh tra, kiểm tra.

Điều 19. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước

Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước đều bị xử phạt. Hình thức phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt được áp dụng theo quy định tại Nghị định số: 142/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 20. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định của nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và quản lý hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tổ chức khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất và công bố dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền, công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm quyền; vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện điều tra, thống kê, lập danh mục giếng phải trám lấp và thực hiện kiểm tra, giám sát việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

7. Tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo phân cấp; tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, các nguồn thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường; lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, đề xuất các biện pháp xử lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thực hiện.

8. Chủ trì phối hợp với các đơn vị chức năng hướng dẫn và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

9. Cung cấp cho Cục thuế tỉnh thông tin về các đơn vị được cấp giấy phép tài nguyên nước; định kỳ vào ngày 10/1 hàng năm gửi thông tin về số giấy phép còn hiệu lực hoặc thông tin khác liên quan tới công tác quản lý tài nguyên nước, để cơ quan thuế quản lý thu ngân sách theo quy định.

10. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước trên các lưu vực sông nội tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

11. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất;

b) Đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước;

c) Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước.

12. Thực hiện việc thu phí thẩm định hồ sơ, lệ phí cấp phép về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; quản lý hồ sơ cấp phép tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Định kỳ hàng năm tổ chức kiểm tra, thanh tra về việc thực hiện các quy định của pháp luật tài nguyên nước, quy định của pháp luật khác có liên quan và quy định trong giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đối với các tổ chức và cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất.

Điều 21. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của các Sở, ngành liên quan

1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

Chủ trì, phối hợp cùng các cấp, các ngành có liên quan xây dựng, quy hoạch và tổ chức thực hiện quy định về quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước đối với công trình thủy lợi, công trình khai thác nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và cấp nước sinh hoạt nông thôn theo quy định của pháp luật, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch cấp, thoát nước khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và tổ chức công bố, thực hiện.

3. Sở Giao thông Vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp cùng với các Sở, ban, ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch mạng lưới giao thông thủy nội địa, các công trình giao thông theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải;

b) Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ cho ngành giao thông vận tải, cuối năm báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tổng hợp tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước toàn tỉnh.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Chủ trì, phối hợp cùng với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài nguyên và Môi trường đưa chương trình giáo dục, đào tạo học sinh, sinh viên có nội dung liên quan đến bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ tài nguyên nước đến các đối tượng học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch kinh phí hàng năm và dài hạn cho các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước.

6. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hàng năm và dài hạn cho các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng giá tính thuế tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo triển khai chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động tài nguyên nước, thuế tài nguyên nước, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

7. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp cùng với các Sở, ban, ngành, thẩm định các đề tài nghiên cứu, các ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực hoạt động về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;

b) Xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức chuyển giao ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

8. Sở Y tế: Cung cấp số liệu kết quả kiểm tra định kỳ chất lượng nguồn nước khai thác cho mục đích sinh hoạt, đặc biệt đối với các đơn vị kinh doanh nước sạch; chất lượng nước thải tại các bệnh viện, cơ sở y tế.

9. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan thực hiện công tác quản lý hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp;

b) Phối hợp kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp vi phạm các quy định về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng lộ trình đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung phù hợp của khu công nghiệp và yêu cầu các tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu, cụm công nghiệp thực hiện việc đầu nối theo quy định.

10. Cục Thuế tỉnh

Tổ chức thực hiện thu các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật và các chính sách thu hiện hành trong lĩnh vực khai thác tài nguyên nước.

11. Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phục vụ cho an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

12. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Hà Nam

Cung cấp cho Sở Tài Nguyên và Môi trường danh mục và vị trí các trạm thủy văn trong tỉnh thuộc mạng lưới các trạm khí tượng thủy văn quốc gia, tài liệu khí tượng thủy văn, các yếu tố khí tượng thủy văn được quan trắc, những điều kiện khí tượng thủy văn chủ yếu trong tỉnh theo quy định của Luật phòng chống thiên tai, Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình Khí tượng Thủy văn.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức tuyên truyền, vận động các thành viên của tổ chức và nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước; giám sát việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

14. Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Hà Nam:

Chịu trách nhiệm trong việc tổ chức tuyên truyền các văn bản, quy định của Trung ương và của tỉnh có liên quan đến hoạt động về tài nguyên nước để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện đúng theo quy định.

15. Các Sở ngành và các tổ chức khác có liên quan

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo địa bàn và lĩnh vực ngành.

Điều 22. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý nhà nước về tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo, điều hành các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước. Đề xuất chính sách quản lý cho từng thời kỳ đảm bảo phát triển bền vững nguồn tài nguyên nước.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra.

a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn quản lý bao gồm: nước dưới đất, nước mặt theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan quản lý, bảo vệ trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn;

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn;

c) Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các khu vực chứa nước thải, chất thải trên địa bàn đảm bảo chống thấm, chống tràn và không gây ô nhiễm nguồn nước;

d) Đối với nơi có nguồn nước liên tỉnh có trách nhiệm theo dõi, phát hiện sự cố ô nhiễm; trường hợp xảy ra sự cố thì phải chủ động tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm; xử lý, giảm thiểu ô nhiễm thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức chỉ đạo xử lý;

đ) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; phòng chống khắc phục hậu quả, tác hại do khai thác nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn theo thẩm quyền; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức quản lý về tài nguyên và môi trường cấp xã.

4. Tổ chức và phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân đang hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước; hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và đề xuất biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên nước.

5. Điều tra, thống kê, tổng hợp và phân loại giếng phải trám lấp theo chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường; Tiếp nhận thông báo trám lấp, kết quả trám lấp của chủ giếng và thông báo ý kiến của mình bằng văn bản (nếu có) tới chủ giếng; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật của chủ giếng và tổ chức, cá nhân thi công trám lấp; lưu giữ biên bản trám lấp giếng.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký về khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất tại địa phương.

7. Thu thập, lưu trữ, quản lý dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định, cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

8. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra; thống kê, theo dõi, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước tại địa phương.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tham gia tổ chức hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

4. Thường xuyên kiểm tra các công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn, xử lý vi phạm hoặc kiến nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước theo thẩm quyền. Nếu xảy ra tình huống bất khả kháng, kịp thời có biện pháp khắc phục trong khả năng đồng thời báo cáo ngay tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp khắc phục.

5. Quản lý việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn;

6. Tiếp nhận, kiểm tra, thực hiện các trình tự đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn theo quy định; quản lý, lưu trữ hồ sơ, lập sổ theo dõi, tổng hợp kết quả đăng ký và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý, bảo vệ trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước trên địa bàn.

8. Thực hiện điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp theo hướng dẫn của phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường. Tổ chức niêm yết công khai danh mục giếng phải trám lấp; Tiếp nhận thông báo trám lấp, kết quả trám lấp của chủ giếng và thông báo ý kiến của mình bằng văn bản (nếu có) tới chủ giếng theo quy định; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trám lấp của chủ giếng và tổ chức, cá nhân thi công trám lấp đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Quy định kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.

9. Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương.

10. Tổ chức hòa giải các tranh chấp về tài nguyên nước trên địa bàn khi có đề nghị của các bên tranh chấp.

11. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

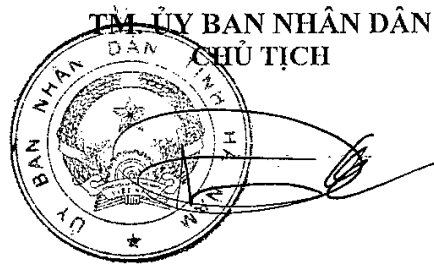
Điều 24. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hướng dẫn, tổ chức chỉ đạo, kiểm tra thực hiện Quy định này.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện, tùy theo điều kiện thực tiễn hoặc có sự điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi các nội dung liên quan đến hoạt động tài nguyên nước của Luật Tài nguyên nước do cấp trên ban hành, Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì; phối hợp với các ngành, các cấp đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *th*



Nguyễn Xuân Đông